TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **15**/2024/HNGĐ - ST
Ngày 24-4-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thuận

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26/3/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 08/TB - TA ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Vũ Xuân C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, bản tự khai ngày 17/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Xuân C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01 tháng 11 năm

2004. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi mặt, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và gây áp lực cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên gia đình giàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị xin được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 3 con chung là Vũ Thị Ph, sinh ngày 21/12/2008, Vũ Thị Kim A, sinh ngày 15/11/2011 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2018. Hiện nay 3 con đang ở với anh C. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc H còn anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Ph và cháu Vũ Thị Kim A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh C xin được trực tiếp nuôi cả 3 con thì chị cũng đồng ý, chị cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 17/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Xuân C trình bày:* Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị L. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên trong cuộc sống không tránh khỏi sự va chạm, có lần nóng tính anh đã tát chị L, sau đó vợ chồng lại bình thường. Tháng 9 năm 2023 chị L có bàn với anh để cho chị đi làm ăn xa, anh không đồng ý nhưng chị L vẫn đi. Sau khi đi làm ăn chị L gửi đơn xin ly hôn anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với L.

- Về con chung: Anh và chị L có 3 con chung là Vũ Thị Ph, sinh ngày 21/12/2008, Vũ Thị Kim A, sinh ngày 15/11/2011 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2018. Hiện nay 3 con đang ở với anh C. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cả 3 con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/11/2023, chị L và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất thuận tình ly hôn; về con chung: Chị L và anh C thống nhất thỏa thuận anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung. Chị L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023 đến khi con thành niên; về tài sản và nợ chung: Chị L và anh C thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận được Đơn đề nghị của anh Vũ Xuân C về việc thay đổi ý kiến về sự thỏa

thuận theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/11/2023. Vì lý do giữa anh Vũ Xuân C và chị Bùi Thị L chưa tự thỏa thuận được với nhau về phần nợ chung.

Tại Biên bản hòa giải ngày 19/01/2024 anh Vũ Xuân C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết về phần nợ chung nhưng không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung. Tòa án đã ra thông báo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về nợ chung nhưng trong thời hạn quy định anh C không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án.

** Tại phiên tòa:*

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Anh C có nguyện vọng xin được nuôi cả 3 con nên chị cũng đồng ý. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng; về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị L và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/11/2004, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị L được ly hôn anh C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 3 cháu là Vũ Thị Ph, sinh ngày 21/12/2008, Vũ Thị Kim A, sinh ngày 15/11/2011 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2018 cho anh C trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Vũ Xuân Chung có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên chị Bùi Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Anh Vũ Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Vũ Xuân C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và sống ly thân. Tại phiên tòa chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh C. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên

áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Vũ Xuân C là phù hợp.

- Về con chung: Chị L và anh C có 3 con chung là Vũ Thị Ph, sinh ngày 21/12/2008, Vũ Thị Kim A, sinh ngày 15/11/2011 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2018. Hiện nay 3 con đang ở với anh C. Khi ly hôn chị L và anh C đều thống nhất giao cả 3 con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Vũ Thị Ph và Vũ Thị Kim A đều có nguyện vọng xin được ở với anh C. Xét thấy sự thỏa thuận của chị L và anh C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 3 con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh C đã được Tòa án thông báo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về phần nợ chung nhưng trong thời hạn quy định anh C không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án. Như vậy, anh C chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản và nợ chung cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Bùi Thị L được ly hôn anh Vũ Xuân C.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Ph, sinh ngày 21/12/2008, Vũ Thị Kim A, sinh ngày 15/11/2011 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2018 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2022/0005960 ngày 06/11/2023. Chị L còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã P;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà